

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số mẫu: 00383.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : HGD Phan Thị Lệ Thảo 19 Lạc Long Quân, KP. Hiệp Định, P. Hiệp Tân, TX Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số tt | Chỉ tiêu                                             | Phương pháp                                                | Kết quả                               | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm nghiệm |
|-------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------|------------------|
| 01    | pH                                                   | QTTN.HHN.01 (*)                                            | 6,45                                  | 6,0-8,5         | 15/06/2022       |
| 02    | Mùi                                                  | SMEWW 2150 B                                               | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ | 15/06/2022       |
| 03    | Vị                                                   | SMEWW 2160 B                                               | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ  | 15/06/2022       |
| 04    | Độ đục                                               | SMEWW 2130 B-2017                                          | 0,08 NTU                              | ≤ 2,0 NTU       | 15/06/2022       |
| 05    | Sắt tổng cộng (Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B – 2017                                 | 0,04 mg/L                             | ≤ 0,3 mg/L      | 15/06/2022       |
| 06    | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )              | EPA 375.4                                                  | 2,83 mg/L                             | ≤ 250 mg/L      | 16/06/2022       |
| 07    | Chỉ số Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                            | 0,80 mg/L                             | ≤ 2,0 mg/L      | 15/06/2022       |
| 08    | Clo dư                                               | Clo test/ Martini instruments                              | 0,37 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L  | 14/06/2022       |
| 09    | Mangan (Mn)                                          | QTTN.HHN.12 (*)                                            | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L  | ≤ 0,1 mg/L      | 16/06/2022       |
| 10    | Arsen (As) tổng                                      | HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)(1)                               | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L     | 17/06/2022       |
| 11    | Màu sắc                                              | SMEWW 2120 C-2017 (a)(1)                                   | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU        | 16/06/2022       |
| 12    | Chì                                                  | SMEWW 3125 B – 2017(a)(1)                                  | < MLOQ = 0,001 mg/L                   | ≤ 0,01 mg/L     | 16/06/2022       |
| 13    | Florua (F <sup>-</sup> )                             | HD.PP.83/KXN.LH: 2020 (Ref. Method 300.1, EPA-1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                    | ≤ 1,5 mg/L      | 16/06/2022       |
| 14    | Nhôm (Al)                                            | SMEWW 3120 B – 2017(a)(1)                                  | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L  | ≤ 0,2 mg/L      | 17/06/2022       |
| 15    | E.coli                                               | TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)                 | 0 CFU/100 mL                          | < 1 CFU/100 mL  | 14/06/2022       |
| 16    | Coliforms tổng số                                    | TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)                 | 0 CFU/100 mL                          | < 3 CFU/100 mL  | 14/06/2022       |
| 17    | Pseudomonas aeruginosa                               | TCVN 8881 : 2011 (*) (ISO 16266 : 2006)                    | 0 CFU /100 mL                         | < 1 CFU/100 mL  | 14/06/2022       |

ĐC: 628 Đường 30/4, KP1, P3, thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Mã số mẫu: 00383.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-  
TDCN**



CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÒNG KIỂM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00384.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy nước Tây Ninh, đường Bờ Lồi, P. Ninh Sơn, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                               | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 6,85                                  | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,06 NTU                              | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,00 mg/L                             | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,73 mg/L                             | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,80 mg/L                             | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,63 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L  | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                   | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F <sup>-</sup> )                                | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                    | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L  | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00384.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**



**CN. Nguyễn Anh Vũ**

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00385.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : Cty Toàn Tâm, 20, đường Trương Quyền, KP .4, P. 1, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                               | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 6,78                                  | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,13 NTU                              | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,00 mg/L                             | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,89 mg/L                             | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,80 mg/L                             | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,32 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L  | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                   | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F <sup>-</sup> )                                | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                    | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L  | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00385.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**



**CN. Nguyễn Anh Vũ**

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00386.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Thái Đình Chương, 146, đường CMT8, KP .4, P. 1, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                               | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 6,55                                  | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,07 NTU                              | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,17 mg/L                             | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,64 mg/L                             | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,80 mg/L                             | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,33 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L  | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                   | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F <sup>-</sup> )                                | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                    | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L  | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00386.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**



**CN. Nguyễn Anh Vũ**

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00387.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước Châu Thành, đường Hoàng Lê Kha, KP. 3, TT. Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số tt | Chỉ tiêu                                             | Phương pháp                                                | Kết quả                               | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm nghiệm |
|-------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------|------------------|
| 01    | pH                                                   | QTTN.HHN.01 (*)                                            | 6,73                                  | 6,0-8,5         | 15/06/2022       |
| 02    | Mùi                                                  | SMEWW 2150 B                                               | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ | 15/06/2022       |
| 03    | Vị                                                   | SMEWW 2160 B                                               | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ  | 15/06/2022       |
| 04    | Độ đục                                               | SMEWW 2130 B-2017                                          | 0,09 NTU                              | ≤ 2,0 NTU       | 15/06/2022       |
| 05    | Sắt tổng cộng (Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B – 2017                                 | 0,14 mg/L                             | ≤ 0,3 mg/L      | 15/06/2022       |
| 06    | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )              | EPA 375.4                                                  | 2,13 mg/L                             | ≤ 250 mg/L      | 16/06/2022       |
| 07    | Chỉ số Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                            | 0,80 mg/L                             | ≤ 2,0 mg/L      | 15/06/2022       |
| 08    | Clo dư                                               | Clo test/ Martini instruments                              | 0,46 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L  | 14/06/2022       |
| 09    | Mangan (Mn)                                          | QTTN.HHN.12 (*)                                            | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L  | ≤ 0,1 mg/L      | 16/06/2022       |
| 10    | Arsen (As) tổng                                      | HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)(1)                               | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L     | 17/06/2022       |
| 11    | Màu sắc                                              | SMEWW 2120 C-2017 (a)(1)                                   | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU        | 16/06/2022       |
| 12    | Chì                                                  | SMEWW 3125 B – 2017(a)(1)                                  | < MLOQ = 0,001 mg/L                   | ≤ 0,01 mg/L     | 16/06/2022       |
| 13    | Florua (F)                                           | HD.PP.83/KXN.LH: 2020 (Ref. Method 300.1, EPA-1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                    | ≤ 1,5 mg/L      | 16/06/2022       |
| 14    | Nhôm (Al)                                            | SMEWW 3120 B – 2017(a)(1)                                  | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L  | ≤ 0,2 mg/L      | 17/06/2022       |
| 15    | <i>E.coli</i>                                        | TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)                 | 0 CFU/100 mL                          | < 1 CFU/100 mL  | 14/06/2022       |
| 16    | Coliforms tổng số                                    | TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)                 | 0 CFU/100 mL                          | < 3 CFU/100 mL  | 14/06/2022       |
| 17    | <i>Pseudomonas aeruginosa</i>                        | TCVN 8881 : 2011 (*) (ISO 16266 : 2006)                    | 0 CFU /100 mL                         | < 1 CFU/100 mL  | 14/06/2022       |

Mã số mẫu: 00387.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-  
TDCN**



**CN. Nguyễn Anh Vũ**

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00388.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : trạm cấp nước Rạch Sơn, KP. Rạch Sơn, TT. Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                              | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 6,56                                 | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                      | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                       | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,12 NTU                             | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,04 mg/L                            | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,43 mg/L                            | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,48 mg/L                            | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,64 mg/L                            | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | 0,0005 mg/L                          | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                       | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                  | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F <sup>-</sup> )                                | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                   | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                         | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                        | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00388.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**



CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHỔ GIAM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00389.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : Cty Bảo Việt, 62, QL 22B, KP. Rạch Sơn, TT. Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                              | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 6,49                                 | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                      | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                       | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,07 NTU                             | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,22 mg/L                            | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,26 mg/L                            | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,32 mg/L                            | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,67 mg/L                            | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | 0,0005 mg/L                          | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                       | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                  | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F <sup>-</sup> )                                | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                   | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                         | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                        | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00389.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**



CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00390.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : Tiệm tóc Hoàng Hưng, QL 22B, Ô 6, KP. Thanh Bình B, TT. Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số tt | Chỉ tiêu                                             | Phương pháp                                                | Kết quả                              | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm nghiệm |
|-------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------|------------------|
| 01    | pH                                                   | QTTN.HHN.01 (*)                                            | 6,75                                 | 6,0-8,5         | 15/06/2022       |
| 02    | Mùi                                                  | SMEWW 2150 B                                               | Không có mùi lạ                      | Không có mùi lạ | 15/06/2022       |
| 03    | Vị                                                   | SMEWW 2160 B                                               | Không có vị lạ                       | Không có vị lạ  | 15/06/2022       |
| 04    | Độ đục                                               | SMEWW 2130 B-2017                                          | 0,09 NTU                             | ≤ 2,0 NTU       | 15/06/2022       |
| 05    | Sắt tổng cộng (Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B – 2017                                 | 0,02 mg/L                            | ≤ 0,3 mg/L      | 15/06/2022       |
| 06    | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )              | EPA 375.4                                                  | 2,29 mg/L                            | ≤ 250 mg/L      | 16/06/2022       |
| 07    | Chỉ số Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                            | 0,48 mg/L                            | ≤ 2,0 mg/L      | 15/06/2022       |
| 08    | Clo dư                                               | Clo test/ Martini instruments                              | 0,33 mg/L                            | 0,2 - 1,0 mg/L  | 14/06/2022       |
| 09    | Mangan (Mn)                                          | QTTN.HHN.12 (*)                                            | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L | ≤ 0,1 mg/L      | 16/06/2022       |
| 10    | Arsen (As) tổng                                      | HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)(1)                               | 0,0026 mg/L                          | ≤ 0,01 mg/L     | 17/06/2022       |
| 11    | Màu sắc                                              | SMEWW 2120 C-2017 (a)(1)                                   | < MLOQ = 5 TCU                       | ≤ 15 TCU        | 16/06/2022       |
| 12    | Chì                                                  | SMEWW 3125 B – 2017(a)(1)                                  | < MLOQ = 0,001 mg/L                  | ≤ 0,01 mg/L     | 16/06/2022       |
| 13    | Florua (F)                                           | HD.PP.83/KXN.LH: 2020 (Ref. Method 300.1, EPA-1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                   | ≤ 1,5 mg/L      | 16/06/2022       |
| 14    | Nhôm (Al)                                            | SMEWW 3120 B – 2017(a)(1)                                  | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L | ≤ 0,2 mg/L      | 17/06/2022       |
| 15    | E.coli                                               | TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)                 | 0 CFU/100 mL                         | < 1 CFU/100 mL  | 14/06/2022       |
| 16    | Coliforms tổng số                                    | TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)                 | 0 CFU/100 mL                         | < 3 CFU/100 mL  | 14/06/2022       |
| 17    | Pseudomonas aeruginosa                               | TCVN 8881 : 2011 (*) (ISO 16266 : 2006)                    | 0 CFU /100 mL                        | < 1 CFU/100 mL  | 14/06/2022       |

Mã số mẫu: 00390.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-  
TDCN**



**CN. Nguyễn Anh Vũ**

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00391.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước KCN Trảng Bàng, đường số 7, KCN, KP. Suối Sâu, P. An Tịnh,  
TX. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                               | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 7,02                                  | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,10 NTU                              | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,00 mg/L                             | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,26 mg/L                             | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,32 mg/L                             | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,52 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L  | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                   | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F <sup>-</sup> )                                | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,05 mg/L   | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L  | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00391.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**



**CN. Nguyễn Anh Vũ**

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00392.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : DNTN Gia Phúc, số 3538, KP. Suối Sâu, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                               | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 7,11                                  | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,11 NTU                              | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,01 mg/L                             | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,13 mg/L                             | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,64 mg/L                             | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,53 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L  | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                   | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F <sup>-</sup> )                                | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,05 mg/L   | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L  | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00392.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**



CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00393.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : DNTN Kim Long Ngọc, KP. Suối Sâu, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                               | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 6,74                                  | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,12 NTU                              | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,02 mg/L                             | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,12 mg/L                             | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,32 mg/L                             | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,56 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L  | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                   | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F <sup>-</sup> )                                | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,05 mg/L   | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L  | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00393.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**



CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00394.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : Hộ gia đình Nguyễn Thanh Hùng, số 96, đường Đặng Văn Trước, KP. Lộc An,  
P. Trảng Bàng, TX. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                               | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 6,43                                  | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,08 NTU                              | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,00 mg/L                             | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,15 mg/L                             | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,32 mg/L                             | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,40 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L  | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                   | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F <sup>-</sup> )                                | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                    | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L  | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00394.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-  
TDCN**



CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00395.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : HGD Nguyễn Trọng Vinh, Số 8, đường Trung Nhị, KP. Lộc An, P. Trảng Bàng, TX.  
Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                               | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 6,64                                  | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,06 NTU                              | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,12 mg/L                             | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,23 mg/L                             | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,32 mg/L                             | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,47 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L  | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                   | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F)                                              | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                    | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L  | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00395.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu **NƯỚC MÁY** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**



**CN. Nguyễn Anh Vũ**

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00396.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước Giếng Mạch, đường Nguyễn Văn Kiên, KP. Lộc An, P. Trảng Bàng,  
TX. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                               | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 6,49                                  | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,13 NTU                              | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,04 mg/L                             | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,81 mg/L                             | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,32 mg/L                             | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,54 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L  | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                   | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F <sup>-</sup> )                                | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                    | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L  | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                          | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00396.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-  
TDCN**



CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00397.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : Ngã tư đường 75A, Khu kinh tế Mộc Bài, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                              | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 6,72                                 | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                      | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                       | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,15 NTU                             | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,17 mg/L                            | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,76 mg/L                            | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,32 mg/L                            | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,36 mg/L                            | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | < MLOQ = 0,0005<br>mg/L              | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                       | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                  | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F <sup>-</sup> )                                | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                   | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                         | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                        | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00397.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-  
TDCN**



CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00398.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Nguyễn Thị Phấn, ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                              | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 6,82                                 | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                      | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                       | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,07 NTU                             | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,09 mg/L                            | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,46 mg/L                            | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,16 mg/L                            | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,42 mg/L                            | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | < MLOQ = 0,0005<br>mg/L              | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                       | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                  | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F <sup>-</sup> )                                | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                   | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                         | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                        | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00398.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu **NƯỚC MÁY** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**



**CN. Nguyễn Anh Vũ**

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00399.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Trần Thị Nhật Minh. Đặng Ngọc Thanh.  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước Bến Cầu, số 786, đường Nguyễn Trung Trực, KP.1, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2022  
Lượng mẫu : 2,0 lít x 2 bình + 250 ml x 1 chai  
Ngày nhận mẫu : 14/06/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                                                | Phương pháp                                                       | Kết quả                              | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                                                      | QTTN.HHN.01 (*)                                                   | 6,80                                 | 6,0-8,5           | 15/06/2022          |
| 02       | Mùi                                                     | SMEWW 2150 B                                                      | Không có mùi lạ                      | Không có mùi lạ   | 15/06/2022          |
| 03       | Vị                                                      | SMEWW 2160 B                                                      | Không có vị lạ                       | Không có vị lạ    | 15/06/2022          |
| 04       | Độ đục                                                  | SMEWW 2130 B-2017                                                 | 0,09 NTU                             | ≤ 2,0 NTU         | 15/06/2022          |
| 05       | Sắt tổng cộng<br>(Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ) | SMEWW 3500 B – Fe B –<br>2017                                     | 0,06 mg/L                            | ≤ 0,3 mg/L        | 15/06/2022          |
| 06       | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                 | EPA 375.4                                                         | 2,80 mg/L                            | ≤ 250 mg/L        | 16/06/2022          |
| 07       | Chỉ số<br>Pecmanganat (O <sub>2</sub> )                 | TCVN 6186: 1996                                                   | 0,48 mg/L                            | ≤ 2,0 mg/L        | 15/06/2022          |
| 08       | Clo dư                                                  | Clo test/ Martini<br>instruments                                  | 0,42 mg/L                            | 0,2 - 1,0 mg/L    | 14/06/2022          |
| 09       | Mangan (Mn)                                             | QTTN.HHN.12 (*)                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,010 mg/L | ≤ 0,1 mg/L        | 16/06/2022          |
| 10       | Arsen (As) tổng                                         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                                   | < MLOQ = 0,0005<br>mg/L              | ≤ 0,01 mg/L       | 17/06/2022          |
| 11       | Màu sắc                                                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                                       | < MLOQ = 5 TCU                       | ≤ 15 TCU          | 16/06/2022          |
| 12       | Chì                                                     | SMEWW 3125 B – 2017(a)<br>(1)                                     | < MLOQ = 0,001 mg/L                  | ≤ 0,01 mg/L       | 16/06/2022          |
| 13       | Florua (F)                                              | HD.PP.83/KXN.LH: 2020<br>(Ref. Method 300.1, EPA-<br>1999) (a)(1) | < MLOQ = 0,15 mg/L                   | ≤ 1,5 mg/L        | 16/06/2022          |
| 14       | Nhôm (Al)                                               | SMEWW 3120 B –<br>2017(a)(1)                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,020 mg/L | ≤ 0,2 mg/L        | 17/06/2022          |
| 15       | <i>E.coli</i>                                           | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                         | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 16       | Coliforms tổng số                                       | TCVN 6187 – 1:2019 (*)<br>(ISO 9308-1 : 2014)                     | 0 CFU/100 mL                         | < 3 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |
| 17       | <i>Pseudomonas<br/>aeruginosa</i>                       | TCVN 8881 : 2011 (*)<br>(ISO 16266 : 2006)                        | 0 CFU /100 mL                        | < 1 CFU/100<br>mL | 14/06/2022          |

Mã số mẫu: 00399.22

**Ghi chú:**

- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**



CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**